

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HS-ST
Ngày 21 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Thẩm phán : Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Trần Văn Thành**

Ông **Phan Quý Thành**

Ông **Võ Ngọc Ánh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phùng Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Đăng Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 95/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019, Thông báo số 32/TB-HS ngày 11/11/2019, đối với:

- Bị cáo **Lê Đình T**, sinh năm 1983, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Phường N, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Nguyên là Công an; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình T và bà Phạm Thị H; Có vợ và một con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2019; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Huỳnh Văn T**, Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; Có mặt;

- Bị hại:

Bà **Phạm Thùy T**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Huỳnh Thị Mỹ D**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt;

2. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt;

3. Ông Trần Đức D, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt;

4. Bà Đặng Thị Phương D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt;

5. Ông Đặng Chí L; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt;

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Sỹ T: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Thông qua thông tin truyền thông, Lê Đình T biết được dự án Hud Building tại số 04 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa do Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Hud là chủ đầu tư đang xây dựng, có kế hoạch chuẩn bị mở bán căn hộ và nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người muốn mua căn hộ ở đây. Mặc dù không có khả năng mua căn hộ của dự án nói trên nhưng T đã nói với anh Nguyễn Sỹ T là T có căn hộ 2016 thuộc dự án Hud Building nếu anh Nguyễn Sỹ T mua hoặc giới thiệu cho người khác mua thì T sẽ bán. Anh Nguyễn Sỹ T không có nhu cầu mua và đã giới thiệu cho T chị Phạm Thùy T là người muốn mua căn hộ trực tiếp giao dịch với T về việc mua bán. Tin tưởng T là người có khả năng giúp mình mua căn hộ 2016 với chủ đầu tư nên từ ngày 25/7/2018 đến ngày 27/7/2018, chị Thùy T và chồng là Đặng Chí L đã đưa tiền mặt và chuyển vào tài khoản của T tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 600.000.000đ để ký hợp đồng đặt cọc với T đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng mua căn hộ 2016. Để kéo dài thêm thời gian và để chị Thùy T tin tưởng, T đã cam kết nếu đến ngày 15/9/2018 vi phạm hợp đồng sẽ phạt hợp đồng 50% số tiền cọc, đến ngày 30/9/2018 nếu vi phạm hợp đồng thì sẽ bị phạt 80% số tiền đặt cọc. Sau nhiều lần chị Thùy T liên lạc, ngày 30/9/2018, T thừa nhận việc lừa dối chị Thùy T để lấy tiền trả nợ và không có khả năng trả lại tiền cho chị Thùy T.

Cũng với thủ đoạn tương tự, từ ngày 02 đến ngày 06/8/2018, T đã nhận 01 tỉ đồng của chị Huỳnh Thị Mỹ D nhưng không thực hiện việc đăng ký mua căn hộ cho chị D và đã trả lại tiền cho chị D.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Mặc dù không có sản phẩm là các căn hộ tại dự án Hud Building Nha Trang, không có thông tin gì về việc mở bán căn hộ tại dự án này, không biết căn hộ 2016 của dự án đã được mở bán hay chưa, ai là người được mua căn hộ này nhưng bị cáo đã lấy thông tin về giá các căn hộ từ truyền thông và bà Hứa Thiên K (không rõ địa chỉ cụ thể) là người làm môi giới bất động sản để nói dối anh Nguyễn Sỹ T là bị cáo có căn hộ tại dự án trên để bán lại. Khi được anh Sỹ T giới thiệu chị Phạm Thùy T, bị cáo tiếp tục nói dối chị Thùy T là có thể môi giới cho chị Thùy T mua căn hộ 2016 của chủ đầu tư để lấy tiền của chị Thùy T. Sau khi nhận được số tiền 600.000.000đ của chị Thùy T bị cáo không thực hiện việc môi giới như đã nói

với chị mà dùng số tiền này vào mục đích cá nhân (trả nợ cho ông Trần Đức D, bà Đặng Thị Phương D, đưa cho chị Nguyễn Thị Thu H, trả tiền phạt cọc cho bà Huỳnh Thị Mỹ D) và không có khả năng trả lại cho chị Thùy T khi chị Thùy T yêu cầu. Quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục cho chị Thùy T được 90.000.000đ và giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 10.000.000đ.

Ngoài ra, bị cáo còn nói với chị Huỳnh Thị Mỹ D có thể giới thiệu chị D mua một số căn hộ từ các suất “ngoại giao”, chị D đã đưa cho bị cáo 1 tỉ đồng đặt cọc để được mua 05 căn hộ của dự án Hud Building. Khi phát hiện các căn hộ đã thỏa thuận đặt cọc với bị cáo đã được bán cho người khác, chị D đòi tiền thì bị cáo đã trả lại tiền cho chị D.

Chị Phạm Thùy T trình bày: Chị được anh Nguyễn Sỹ T giới thiệu “Sếp” của Lê Đình T công tác tại Công an tỉnh Khánh Hòa có một số căn hộ thuộc tiêu chuẩn “ngoại giao” tại dự án Hud Building Nha Trang nên T có thể lo thủ tục pháp lý để ký hợp đồng mua căn hộ với giá thấp từ nhà đầu tư cộng thêm một khoản chênh lệch. Sau khi liên lạc qua điện thoại với T, chị nói với T muốn mua căn hộ 2016 thì T nói mua được với giá 2.553.000.000đ là giá từ chủ đầu tư và 140.000.000đ chênh lệch cho “sếp” của T. T yêu cầu chị chuyển 150.000.000đ để đặt chỗ. Ngày 25/7/2018, chồng chị là Đặng Chí L đã chuyển vào tài khoản của T tại Vietcombank số tiền trên. Ngày 26/7/2018, T gọi điện thoại nói chị gửi thêm 200.000.000đ để đẩy nhanh tiến độ lấy căn hộ nên vợ chồng chị tiếp tục chuyển khoản cho T 200.000.000đ. Ngày 27/7/2018, T tiếp tục yêu cầu chuyển 250.000.000đ, vợ chồng chị đã gặp mặt và trực tiếp giao số tiền này cho T. Sau khi giao cho T tổng số tiền 600.000.000đ chị yêu cầu T ký hợp đồng đặt cọc, T cam kết ngày 15/9/2018 sẽ làm thủ tục để chị được ký hợp đồng mua căn hộ. Sau đó, T hẹn lại sẽ thực hiện vào ngày 19/9/2018 nhưng vẫn không thực hiện như cam kết. Sau nhiều lần liên lạc với T để yêu cầu T thực hiện hợp đồng. Ngày 30/9/2019, T nói đã lấy tiền của chị để trả nợ, thực tế T không có căn hộ để bán và hứa sẽ trả tiền và phạt cọc cho chị nhưng vẫn không thực hiện. Quá trình điều tra, T mới trả cho chị số tiền phạt cọc là 90.000.000đ.

Anh Đặng Chí L trình bày tại Cơ quan điều tra: Vợ chồng anh đã chuyển giao số tiền cho T như chị Thùy T (vợ anh) trình bày nhưng T không thực hiện các thủ tục pháp lý để ký hợp đồng mua căn hộ như T nói và cũng không hoàn trả tiền đã nhận cho vợ chồng anh.

Ông Trần Đức D trình bày: Ông là bạn của T và có cho T mượn số tiền 450.000.000đ vào cuối tháng 6/2018; Tháng 7/2018 và đầu tháng 10/2018, T có trả cho ông 150.000.000đ và 7.000.000đ. Ông không biết T mượn tiền của ông để sử dụng vào việc gì và nguồn tiền T trả cho ông từ đâu. Số tiền T trả cho ông thì ông đã sử dụng hết.

Bà Đặng Thị Phương D trình bày: Khoảng tháng 7/2018, T có đi cùng D (bạn của bà) đến uống cà phê tại quán của bà và có hỏi bà mượn 50.000.000đ nhưng bà không cho T mượn.

Bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày tại cơ quan điều tra: Thông qua bà Nguyễn Thị Thu H, giới thiệu Lê Đình T công tác tại Công an tỉnh Khánh Hòa có nhiều suất căn hộ ngoại giao tại dự án Hud Building muốn bán. Ngày 02/8/2018, bà cùng bà H đến gặp Lê Đình T và được T cho biết “Sếp” của T bán căn hộ theo giá gốc của chủ đầu tư cộng thêm phần chênh lệch theo thỏa thuận; T còn nói vì là căn hộ theo suất ngoại giao nên không có giấy tờ. Do tin tưởng T nên bà đã đặt cọc cho T tổng cộng 1 tỉ đồng, T cam kết ngày 10/8/2018 sẽ giao hợp đồng đứng tên cho bà mua căn hộ nhưng không thực hiện được và đã trả lại tiền cho bà.

Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày tại cơ quan điều tra: T nói với bà có người quen đăng ký mua được căn hộ thuộc dự án Hud Building tại số 04 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang nên bà giới thiệu Huỳnh Thị Mỹ D với T. T, D nhờ bà đứng trung gian cho việc mua bán và T có chuyển vào tài khoản của bà tại Ngân hàng Vietcom bank số tiền 80.000.000đ nhưng bà đã rút số tiền này và trả lại cho T. Sau đó, bà nghe D nói lại là T đã không làm theo thỏa thuận với D.

Anh Nguyễn Sỹ T khai là: Trước đây anh cũng đầu tư vào việc kinh doanh bất động sản ở Cam Lâm, được chị Thùy T giúp đỡ nên khi nghe T giới thiệu có các căn hộ thuộc đối tượng “ngoại giao” được nhà đầu tư bán với giá thấp hơn giá thị trường, anh tin tưởng ở T và đã giới thiệu cho chị Thùy T, bản thân anh không biết T lừa dối để chiếm đoạt tiền của chị Thùy T và không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu chị Thùy T cho T.

Tại Công văn số 3203/HUD-BQL6 ngày 18/12/2018, Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà và đô thị (Tổng công ty HUD) trình bày: Dự án Hud Building Nha Trang được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa xác nhận đủ điều kiện kinh doanh nhà hình thành trong tương lai tại Văn bản số 2932/SXD-QLN ngày 22/7/2018. Tổng công ty Hud tổ chức triển khai kinh doanh và ký kết hợp đồng với khách hàng từ ngày 03/8/2018. Căn hộ 2016 đã được Tổng công ty ký hợp đồng bán cho ông Trịnh Ngọc Q vào ngày 19/9/2018. Đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty Hud không có khách hàng tên Lê Đình T tại dự án Hud Building Nha Trang.

Tại bản Cáo trạng số 54/CTVKSKH-P1 ngày 20 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố Lê Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự đối với hành vi gian dối chiếm đoạt 600.000.000đ của chị Phạm Thùy T.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Đình T bằng tù từ 08 đến 10 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên và cho là: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 600.000.000đ, đã bồi thường cho bị hại 90.000.000đ, nộp cho cơ quan điều tra 10.000.000đ để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về tình tiết đã bồi thường

thiệt hại và các tình tiết khác như đề nghị của Viện kiểm sát. Các nội dung bị cáo thỏa thuận với bị hại chỉ là hợp đồng lừa dối nên không có căn cứ buộc bị cáo phải phạt cọc theo yêu cầu của bị hại.

Bị hại Phạm Thùy T đề nghị xét xử bị cáo theo pháp luật và cho là: Theo thỏa thuận của bị cáo với chị trước đây, bị cáo phải trả cho chị số tiền 600.000.000đ đặt cọc và 480.000.000đ phạt cọc, bị cáo đã trả cho chị 90.000.000đ phạt cọc nên bị cáo phải trả tiếp cho chị số còn lại là 990.000.000đ (bao gồm 600.000.000đ đặt cọc và 390.000.000đ phạt cọc).

Bị cáo chỉ đồng ý trả cho bị hại số tiền 600.000.000đ, không đồng ý phạt cọc theo yêu cầu của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật sư, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Phiên tòa xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tòa án đã nhiều lần trả hồ sơ đối với hành vi bị cáo nhận tiền của bà Huỳnh Thị Mỹ Diễm nhưng Viện kiểm sát không truy tố nên theo giới hạn xét xử quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không xét xử về hành vi này.

[3] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập, có cơ sở xác định: Bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã chiếm đoạt trái phép 600.000.000đ của bị hại. Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, thuộc trường hợp “*chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 500.000.000đ trở lên*”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho bị hại một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả, cha bị cáo là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

[5] Căn cứ vào mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng với bị cáo, mức hình phạt áp dụng với bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và án phí: Bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt của bị hại số tiền 600.000.000đ nên phải hoàn trả tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại. Sau khi phạm tội, bị cáo đã trả cho bị hại số tiền 90.000.000đ nên còn phải trả cho bị hại số tiền còn lại là 510.000.000đ. Số tiền 10.000.000đ do bị cáo giao nộp để bồi thường cho bị hại được cơ quan điều tra gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số CT: 0001208 ngày 03/7/2019) cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 174, các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Lê Đình T 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (02/4/2019).

2. Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự,

Bị cáo phải trả lại cho bị hại Phạm Thùy T 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), đã trả 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), còn phải trả tiếp 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tạm giữ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) do bị cáo giao nộp và được cơ quan điều tra gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số CT: 0001208 ngày 03/7/2019) để đảm bảo việc thi hành án.

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 24.400.000đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ GĐKT 1;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Bùi Thị Nghĩa**